

2.B. LỊCH SỬ VÀ PHÁT TRIỂN

2.b.1. Lịch sử kiến tạo địa chất

Khu vực Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà cũng như phần Đông Bắc Việt Nam có lịch sử phát triển địa chất lâu dài, từng là một bộ phận của cấu trúc uốn nếp Caledonit đánh dấu sự kết thúc chế độ địa mảng biển sâu Katszzia vào cuối kỷ Siluar. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ cuối kỷ Devon tới kỷ Permi, khu vực Cát Bà - Hạ Long - Long Châu vẫn còn là biển nông nóng ấm và lắng đọng trầm tích Carbonate. Để có được một phức hệ trầm tích carbonate dày tới 1.550m-1.850m như đánh giá hiện nay, chắc chắn khu vực này chịu ảnh hưởng của chế độ sụt hạ cục bộ và liên tục trong suốt khoảng thời gian này mặc dù có ảnh hưởng ít nhiều của chuyển động Hexini. Về sau, các chuyển động tạo núi Indosin và tạo núi san nền đã biến khu vực Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà thành lục địa trong suốt thời gian Mesozoi và đầu Kainozoi, và các hoạt động Karst lục địa cũng bắt đầu từ đây. Trong lịch sử Đệ Tứ có thể khu vực này đã từng là hải đảo với những dấu ấn của biển còn để lại ở các độ cao khác nhau nhưng chắc chắn rằng hải đảo Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà hiện nay là kết quả ngập chìm của biển tiến sau băng hà lần cuối (biển tiến Flandrian) bắt đầu từ khoảng 18000 năm trước tới nay.

Trên bình đồ kiến trúc phá huỷ tân kiến tạo và kiến tạo hiện đại, Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà phát triển trên một đới nâng bên cạnh bồn trũng Hạ Long, bồn trũng Bạch và đới nâng bắc Thủy Nguyên. Tại khối Cát Bà, hệ thống đứt gãy phá huỷ phát triển chủ yếu theo phương Tây Bắc - Đông Nam, trong đó quan trọng nhất là đứt gãy dọc theo thung lũng Trung Trang. Cùng với các đứt gãy phát sinh cục bộ định hướng Đông Bắc - Tây Nam và á vĩ tuyến, đới dập vỡ đi kèm đã chia cắt khối đá vôi Cát Bà thành nhiều phần lớn nhỏ khác nhau, làm cho các quá trình Karst hoạt động mạnh hơn. Dấu ấn địa chất quan trọng của đới nâng Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà là hệ thống hang động ở các độ cao khác nhau liên quan tới mực xâm thực cơ sở cổ, các ngân biển cổ mà trong đó rõ nhất là ngân biển ở độ cao 4m - 4,5m gặp ở nhiều nơi, thềm biển cổ, trong đó có thềm Ao Cối cao 10m, thềm Cái Bèo cao 4,5m và thềm biển hiện đại (holocene muộn) cao 2m - 3m.

Lịch sử phát triển địa chất khu vực Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà đã được Walham, 1998 và Trần Đức Thạnh, 1998 tóm tắt trong bảng dưới đây (Bảng 17)

Bảng 17. Lịch sử phát triển địa chất Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà
(Theo Walham và Trần Đức Thạnh, 1998)

Đại	Kỷ	Các sự kiện
		Thế
		Biển tiến, sau khi băng tan trên Trái Đất, đã tràn qua khu vực bờ biển để hình thành Vịnh Hạ Long hiện đại. Đây chủ yếu là môi trường đất với cảnh quan karst đang phát triển và hệ thống sông ngòi. Hệ thống hang động được hình thành với chiều cao 10-15m, 20-30m,

Đại Tân Sinh	Kỷ Nhân sinh	Toàn Tân	và 40-60m
		Thế Canh Tân	Biển tiến hình thành nên Vịnh Hạ Long cổ đại. Trước đây, mực nước biển thấp hơn ngày nay từ 100-200m, bên ngoài bờ biển hiện đại trong suốt thời kỳ lạnh giá của Kỷ Băng Hà.
	Kỷ Cổ Cận	Tạo núi uốn nếp ở Cửa Lục và Vịnh Hạ Long, những chuyển động của Trái Đất trong giai đoạn tạo núi Anpi ở cánh cung Đông Triều.	
		Kỷ Tân Cận	Đại dương phía Đông được hình thành. Xâm thực biển và lắng đọng phù sa hình thành nên một bán bình nguyên lớn
Đại Trung Sinh	Kỷ Phân Trắng Kỷ Jura		Môi trường lục địa cùng với những chuyển động tạo sơn của mặt đất. Quá trình xâm thực rất mạnh mẽ
	Kỷ Tam Điệp		Môi trường đất, nơi quá trình tạo núi uốn nếp hình thành lưu vực đầm lầy than, sau đó là những biến động mạnh mẽ trong quá trình tạo núi Indonesia
	Kỷ Permi		Quá trình uốn nếp gây cản trở bờ biển hình thành một môi trường biển
	Kỷ Than đá		Vùng biển nông, ấm mở rộng từ phía tây, phong phú về sinh vật biển, bao gồm san hô, trùng lỗ, động vật tay cuộn và hoa huệ biển. Đá vôi, dày hơn 1.000m được hình thành

Đại Cổ sinh	Kỷ Devon	Vịnh Hạ Long là một vùng đất. Gần đó, quá trình uốn nếp của quần đảo Quan Lạn, Trang Kehn, Đồ Sơn và Cát Bà đã bị xâm thực bởi biển
	Kỷ Silur Kỷ Ordovic	Biển rộng với nước sâu trong thời kỳ hoạt động địa mảng Katania. Biển mở rộng về phía tây nhưng đại dương phía Đông là một vùng đại lục
	Kỷ Cambri	Đất
Đại Nguyên sinh và Đại Thái cổ		Không rõ

2.b.2. Lịch sử phát triển con người

Vào quãng trên dưới 7.000 năm trước, do nước biển tiếp tục dâng, nên cuộc sống của cư dân Soi Nhụ phần nào có những biến động. Có thể những nhóm cư dân sống ở các hang động ở mức thấp dưới chân núi đá thuộc khu vực Vịnh Hạ Long và Bái Tử Long ngày nay buộc phải di chuyển tới những khu vực cao hơn và an toàn hơn, thuộc các huyện miền núi phía Bắc vịnh như Cẩm Phả, Uông Bí, Hoàn Bồ và các vùng núi đá vôi cao hơn thuộc đảo Cát Bà. Các hang động và mái đá như hang Đồng Đăng, hang Hà Lùng, Hang Dơi (Hoành Bồ), hang Áng Giữa, Eo Bùa, Tùng Bồ...(đảo Cát Bà) cũng thuộc vào giai đoạn này. Như vậy là nếu so với các văn hoá Hoà Bình và Bắc Sơn cùng thời thì văn hoá Soi Nhụ đã có một giai đoạn chuyển cư ngược chiều. Trong khi các cư dân sơ kỳ đá mới muộn Hoà Bình, Bắc Sơn có xu hướng dời xuống đồng bằng, ven biển để tìm các nguồn lợi biển đang ngày càng phong phú thì một số nhóm thuộc văn hoá Soi Nhụ lại phải dời lên miền núi, hoặc các vùng cao trong khu vực để tránh nước biển dâng, tiếp tục khai thác các động vật nhuyễn thể nước ngọt, tiếp tục săn bắt thú rừng và đồng thời duy trì những mối quan hệ với đồng bào mình sống trong môi trường biển, hoặc làm trung gian trao đổi, quan hệ giữa cư dân Soi Nhụ biển và các cư dân vẫn tiếp tục sống trong khu vực khối đá vôi Bắc Sơn (Lạng Sơn). Con người Cát Bà gắn liền với 77 địa điểm khảo cổ, trong đó Di chỉ Cái Bèo là điển hình nhất. Di chỉ Cái Bèo nằm trên bờ vịnh biển nhỏ Cái Bèo thuộc địa phận xã Hải Đông, nay là thị trấn Cát Bà (Hải Phòng). Diện tích của toàn bộ di chỉ rộng tới hàng nghìn mét vuông. Lần đầu tiên di chỉ được M. Colani khai quật và công bố tư liệu vào năm 1938 [M. Colani, 1938], và gọi địa điểm này là “Baie des Pêcheurs”. Có thể nói rằng Cái Bèo là một trong số những di chỉ khảo cổ học quan trọng nhất trong khu vực ven biển, hải đảo của miền Đông Bắc Việt Nam. Về mặt không gian, nó nằm trên bờ vịnh của hòn đảo Cát Bà lớn nhất bờ Tây vịnh Bắc Bộ và đối mặt với biển khơi, là một trong những đầu mối giao lưu văn hoá của toàn bộ vùng Bắc Bộ với

Nam Trung Quốc và với Đông Á, về mặt thời gian, giống như văn hoá Đa Bút, Cái Bèo là dấu gạch nối, là khâu trung gian, là một mắt xích nối liền hai thời đại: tiền sử và sơ sử của khu vực. Tuy nhiên, Cái Bèo có những khác biệt căn bản so với Đa Bút ở việc kế thừa và đổi mới truyền thống. Người Đa Bút tiếp nối truyền thống Hoà Bình, Bắc Sơn ở môi trường đồng bằng ven biển miền bắc Trung Bộ Việt Nam khá nguyên vẹn bằng việc sử dụng nguyên liệu cuội để chế tác công cụ ghè đẽo và công cụ mài lưỡi và đặc biệt là việc họ duy trì phương thức khai thác nhuyễn thể sông suối kết hợp với săn bắt động vật có vú để rồi tiến tới cuộc cách mạng khai thác đồng bằng với phương thức mới là làm nông. Kế thừa truyền thống văn hoá Soi Nhụ, người Cái Bèo đã hướng tới thích nghi và khai thác môi trường biển. Vì vậy định hướng sống của họ vẫn là khai thác biển khơi chứ không phải chỉ là bắt sò hến ven bờ như người Đa Bút, Quỳnh Văn, để rồi quay về với nghề nông. Hơn nữa môi trường của người Cái Bèo và sau này là người Hạ Long cũng không thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp thuần tuý, vì ở đây không có đồng bằng các châu thổ tạo bởi các con sông.

- **Văn hóa Soi Nhụ** (cách ngày nay 18.000 - 7.000 năm): Phân bố chủ yếu trong khu vực các đảo đá vôi thuộc Vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long và các hang động ven bờ. Cho tới nay, ít nhất 26 hang động, mái đá loại này đã được phát hiện tại khu vực Vịnh Hạ Long và các vùng lân cận. Một số di chỉ tiêu biểu như: Soi Nhụ, Mê Cung, Tiên Ông, Thiên Long... Các di vật còn lại chủ yếu là công cụ đá, những di tích xương răng động vật và vỏ ốc núi, ốc suối bị chặt đứt cùng một số nhuyễn thể nước ngọt khác. Chúng là tàn tích thức ăn của người nguyên thủy xưa. Điều này chứng tỏ phương thức kiếm sống của cư dân văn hóa Soi Nhụ là săn bắt, hái lượm, khai thác nhuyễn thể nước ngọt.

- **Văn hóa Hạ Long** (cách ngày nay 5.000 - 3.500 năm) được chia thành hai giai đoạn: sớm và muộn.

Giai đoạn sớm: Do biến tiến Holoxen trung (khoảng 6.000 - 5.000 năm trước), đợt biến tiến này làm mất đi môi trường sống quen thuộc của cư dân văn hoá Cái Bèo, khiến cho một bộ phận cư dân phải di chuyển lên phía Đông Bắc và những vùng đất cao hơn, tại đây, họ tạo nên giai đoạn sớm của văn hóa Hạ Long. Các di chỉ tiêu biểu như: Thoi Giếng, Gò Mừng, xóm Chùa, thôn Nam... Phương thức kiếm sống: Săn bắt, hái lượm, canh tác, trồng cây lấy sợi, rau củ quả, tăng cường khai thác biển.

Giai đoạn muộn: Do mực nước biển dâng cực đại rồi sau đó rút dần (trong khoảng 4.000 - 3.000 năm trước). Khi biển lùi, các cư dân văn hóa Hạ Long giai đoạn sớm có sự chuyển cư ngược lại. Theo nước thủy triều, họ tiến dần ra biển. Địa bàn cư trú của cư dân văn hóa giai đoạn muộn tương đối phong phú, bao gồm: Hang động, chân núi ven biển, doi cát, các bậc thềm và mặt đồng bằng cổ. Các di chỉ tiêu biểu như: di chỉ hang Bái Tử Long, hang Soi Nhụ dưới, di chỉ Ngọc Vũng, di chỉ Đồng Mang, Xích Thổ... Phương thức kiếm sống của cư dân văn hóa Hạ Long giai đoạn muộn đã cơ bản gắn với môi trường biển cả với kỹ thuật chế tác công cụ đá và đồ gốm khá hoàn hảo, trở thành đặc trưng của văn hóa Hạ Long đó là: Gốm văn thừng, văn chải, văn khắc vạch, rìu và bôn có vai có nấc.

Văn hoá Hạ Long là một nền văn hoá có vai trò rất quan trọng trong nền văn minh Việt cổ, đánh dấu sự tiếp xúc khá phổ biến của cư dân Việt cổ với nền kinh tế biển, tạo ra nền văn hóa biển đặc sắc ở Việt Nam.

2.b.3. Dân số và phân bố dân cư

- *Qui mô dân số*: Dân số chủ yếu sống trên diện tích vùng đệm phía đảo lớn Cát Bà, khu vực Vịnh Hạ Long hầu như không có dân sinh sống trong phạm vi Di sản.

Theo số liệu của Cục Thống kê thành phố Hải Phòng, gia tăng dân số ở trong khu vực đảo Cát Bà chủ yếu là sự tăng tự nhiên với mức trung bình là 0,68%/năm (2011) thấp hơn so với mức tăng bình quân hàng năm của thành phố Hải Phòng và cả nước. Dân cư tương đối ổn định trong các năm trở lại đây, hiện tượng di cư tự do đến đảo ít xảy ra. Tổng số dân của khu vực tính đến năm 2018 là 18759 người, tỷ lệ nam và nữ trong những năm vừa qua không có biến động lớn, tỷ lệ nữ thường cao hơn nam một chút. Theo số liệu thống kê năm 2018 thì tỷ lệ nữ giới trong khu vực chiếm 50,69% (Bảng 18).

Bảng 18. Tình hình dân số các xã, thị trấn khu vực đảo Cát Bà (Năm 2018)

STT	Thị trấn / xã	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Số lao động
1	Thị trấn Cát Bà	2381	12550	4250
2	Xã Việt Hải	90	292	163
3	Xã Hiền Hào	116	368	243
4	Xã Trân Châu	482	1412	721
5	Xã Gia Luận	191	680	471
6	Xã Phù Long	569	2567	1433
7	Xã Xuân Đám	240	890	545
	Tổng cộng	4069	18759	7826

Nguồn: UBND các xã, thị trấn Cát Bà và Niên giám thống kê huyện, năm 2018

- *Phân bố dân cư*: Sự phân bố dân cư không đồng đều, cao nhất là thị trấn Cát Bà với 593,9 người/km² và thấp nhất là xã Việt Hải 6,24 người/km². Mật độ bình quân 160,1 người/km², mật độ này thấp hơn so với mật độ bình quân của huyện Cát Hải là 207 người/km², vùng lõi gần như không có người sinh sống. Thành phần dân tộc chủ yếu là người kinh, sống tập trung ở khu vực có vị trí thuận lợi hơn về các hoạt động mưu sinh.

- *Cơ cấu dân số và lao động*: Tỷ lệ lao động nam và nữ không biến động nhiều trong những năm qua và số lao động nữ thường cao hơn nam một chút. Trung bình tỷ lệ lao động nữ chiếm 50,7%, lao động nam chiếm 49,3%. Tỷ lệ lao động được đào tạo của huyện Cát Hải tăng chậm so với mức trung bình của toàn thành phố Hải Phòng đạt khoảng 16,5% so với tỷ lệ 35% của toàn thành phố Hải Phòng và 25,5% của cả nước. Nếu tính thêm số lượng lao động có kỹ năng thông qua tự đào tạo (nhưng không có chứng chỉ chuyên môn) thì tỷ lệ có thể đạt 18% (nguồn Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Cát Hải giai đoạn đến năm 2020).